TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 07 - 5 - 2026
V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thiên Kim

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Ngọc Thuỷ
2. Ông Huỳnh Đắc Thành.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoài, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 – Thành phố Hồ Chí Minh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân khu vực 6 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Bà Đinh Thị Bích Ngọc – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 07 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 684/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2025 về việc: "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2026/QĐXXST-HN ngày 09 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2026/QĐST- HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Phương T, sinh năm 1963 *(Xin vắng mặt)*
Địa chỉ: Số D đường H, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là phường M, Thành phố Hồ Chí Minh)

Bị đơn: Ông Huỳnh Công T1, sinh năm 1958 *(Vắng mặt)*
Địa chỉ thường trú: Số D đường D, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).
Chỗ ở hiện nay: Số B, Khu phố D, thị trấn N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Số B đường H, Ấp A, xã N, Thành phố Hồ Chí Minh).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, bà Nguyễn Thị Phương T là nguyên đơn trình bày:

Bà Nguyễn Thị Phương T và ông Huỳnh Công T1 tự nguyện kết hôn năm 2004. Hai bên có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 90, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/9/2004.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được gần 20 năm thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không thể chia sẻ được với nhau về mọi mặt. Bà T và ông T1 đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ

chồng nhưng vẫn không có kết quả. Bà T và ông T1 đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Nay bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà T được ly hôn ông T1 để ổn định cuộc sống.
Về con chung: Bà T xác định không có con chung.
Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.
Về nợ chung: Bà T xác định không có.
Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; các văn bản tố tụng của Tòa án để ông Huỳnh Công T1 là bị đơn đến Toà án làm việc và tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm nhưng ông Huỳnh Công T1 vẫn không có mặt mà không có lý do chính đáng và cũng không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

* Phát biểu của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Thành phố Hồ Chí Minh:

Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã đảm bảo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc xét xử vắng mặt đương sự đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nguyên đơn được miễn án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 90, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/9/2004 thì bà Nguyễn Thị Phương T và ông Huỳnh Công T1 có quan hệ hôn nhân hợp pháp. Bà T xin ly hôn ông T1, ông T1 có nơi cư trú tại xã N, Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; các văn bản tố tụng của Tòa án để ông T1 là bị đơn đến Toà án làm việc và tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm nhưng ông T1 vẫn không có mặt mà không có lý do chính đáng và cũng không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T1 theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về các yêu cầu của đương sự:

[2.1] Theo lời trình bày của nguyên đơn thì vợ chồng chung sống hạnh phúc được 20 năm thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không thể chia sẻ được với nhau về mọi mặt. Bà T và ông T1 đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay.

Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình"*.

Theo kết quả xác minh của Hội liên hiệp phụ nữ xã N, Thành phố Hồ Chí Minh thì: *"Trong thời gian qua Hội liên hiệp phụ nữ xã không tiếp nhận đơn thư hay thông tin gì liên quan đến tình trạng hôn nhân của bà Nguyễn Thị Phương T, sinh năm 1963 và ông Huỳnh Công T1, sinh năm 1958 địa chỉ 25/3 Ấp A, xã N"*.

Hội đồng xét xử xét:

Mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông T1 đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu có duy trì cuộc hôn nhân này thì cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên. Hơn nữa, ông T1 mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa hoà giải và tham gia phiên toà chứng tỏ ông T1 cũng không còn thiết tha gì đến cuộc hôn nhân này nữa. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà T ly hôn ông T1 là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Bà T xác định không có.

[2.3] Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Bà T xác định không có.

[3] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng bà T phải nộp nhưng bà T được miễn nộp tiền án phí do là người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và bà T có đơn yêu cầu miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Luật số: 85/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57 và Điều 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Phương T được ly hôn ông Huỳnh Công T1.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Phương T xác định không có.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Phương T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Phương T xác định không có.

2/ Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng bà T phải nộp nhưng bà T được miễn nộp tiền án phí do là người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và bà T có đơn yêu cầu miễn án phí.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

4/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TANDTP,VKSNDTP;
- VKSND khu vực 6 – TP.HCM
- THADS Tp. Hồ Chí Minh;
- UBND phường Minh Phụng, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu HS,VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thị Thiên Kim